

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HUYỆN THANH PHÚ**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **214/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 20/3/2018.

V/v: “Ly hôn” giữa bà Phạm Thị H

và ông Huỳnh Văn V.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Hồng Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn;

2. Ông Dương Văn Hai.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án –  
Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng  
01 năm 2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
484/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 81/3 ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 81/3 ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà H, ông V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2018, bản tự khai ngày 01/3/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Năm 1998, bà và ông V sống chung với nhau như vợ chồng; ông bà không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông bà có hai con chung là Huỳnh Long Tr, sinh năm 1988 và Huỳnh Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1995. Thời gian đầu sống chung ông bà rất hạnh phúc nhưng sau một thời gian, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên đã cố gắng hàn gắn để hòa hợp nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể giải quyết được. Do đó, bà và ông V đã ly thân từ khoảng cuối năm 2005 cho đến nay. Qua một thời gian suy nghĩ bà cảm nhận không còn tình cảm với ông V nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông V là vợ chồng.

Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án quyết định.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Bà và ông V không có nợ chung.

*Theo nội dung bản tự khai ngày 01/3/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, ông Huỳnh Văn V trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về các nội dung như: Thời gian sống chung, về thông tin các con chung. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và hai bên ly thân là do cả hai không còn tình cảm với nhau. Hiện nay, cả hai đều có cuộc sống mới nên không thể hàn gắn được. Nay theo yêu cầu của bà H thì ông cũng đồng ý chấm dứt mọi quan hệ này.

Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án quyết định.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị H thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Văn V có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông V theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Văn V tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Xét thấy, bà H và ông V có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình tố tụng bà H và ông V đều xác định thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng nhiều năm trở lại đây thì hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà H và ông V có tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không cải thiện được. Ông V và bà H đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Trong nội dung bản tự khai, cả hai đều xác định hiện nay ông bà không còn yêu thương nhau. Mặt khác, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên không có khả năng đoàn tụ. Cả hai đều đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông V đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu Tòa không công nhận bà và ông V là vợ chồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông V có hai con chung là Huỳnh Long Tr, sinh năm 1988 và Huỳnh Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1995. Do các con đã trưởng thành nên ông V và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông V không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H và ông V trình bày không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bà H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[ 8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai con chung là Huỳnh Long Tr, sinh năm 1988 và Huỳnh Thị Huỳnh Nh, sinh năm 1995. Do các con đã trưởng thành nên ông V và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề con chung.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà H và ông V trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Thị H phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014255 ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Ủy ban nhân xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Đào Hồng Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Sơn**

**Dương Văn Hai**

**Đào Hồng Vân**